TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:105/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29/12/2025
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Ông Hà Huy Phong.

- *Các Hội thẩm nhân dân*: ông Ngô Văn Được và ông Nguyễn Thanh Liêm.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Tường Vi, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Tiên– Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 94/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2025 tranh chấp "ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 326/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Anh Đ, sinh năm 1995; Địa chỉ: Ấp T, xã C, tỉnh An Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1990; nơi cư trú: Ấp B, xã C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bùi Thị Anh Đ trình bày: Bà Bùi Thị Anh Đ quen biết với ông T, cả hai do mai mối, tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định vào ngày 24/4/2023 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã C, tỉnh An Giang), cả hai sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do không tôn trọng, bất đồng quan điểm thường xuyên cự cãi không thể hàn gắn, sống ly thân cho đến nay. Nay thấy tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Đ xin ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Bùi Hữu N, sinh ngày 03/01/2015 và Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 27/11/2016. Hiện các cháu N, D

do bà Đ chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà Đ yêu cầu được tiếp tục chăm sóc 02 con chung, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Bản sao, Giấy khai sinh 02 con chung; Tờ tự khai và đơn khởi kiện ngày 29/9/2025; trích lục kết hôn số 63;

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải để động viên bà Đ, ông T xóa bỏ những bất đồng quan điểm, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với ông T; ông T được triệu tập nhưng đều vắng mặt, không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm với bà Đ. Vì vậy, Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định pháp luật. Tại bản thông tin xác nhận nơi cư trú được đại diện Công an xã C cung cấp thông tin ông T vẫn còn đăng ký cư trú tại ấp B, xã C, tỉnh An Giang hàng ngày đi làm và về nhà với thời gian không cố định.

Tại bản trình bày ý kiến, các cháu Nguyễn Bùi Hữu N, sinh ngày 03/01/2015 và Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 27/11/2016 thể hiện nguyện vọng trường hợp cha mẹ ly hôn, cháu mong muốn được sống cùng mẹ.

Tại phiên tòa, bà Đ có đơn xin vắng, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với ông T; về con chung bà Đ có ý kiến, yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung; ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông T vắng mặt nên Tòa án không thể hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án như sau:

- *Về tố tụng:* Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Ý kiến giải quyết vụ án:* Bà Bùi Thị Anh Đ và ông Nguyễn Ngọc T tự tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới. Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã C, tỉnh An Giang). Hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống rất hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên không tìm được tiếng nói chung. Vì vậy, bà Đ yêu cầu được ly hôn với ông T. Phía ông T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện. Xét thấy, hôn nhân giữa bà Đ và ông T là hoàn toàn tự nguyện và đã có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã, được xem là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ, mâu thuẫn giữa bà Đ và ông T xuất phát do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nên không tìm được tiếng nói chung. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Bùi Hữu N, sinh ngày 03/01/2015 và Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 27/11/2016. Sau khi ly hôn, bà Đ có ý

kiến, yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu các con chung; không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện các cháu sống cùng bà Đ phát triển tốt về thể chất, tinh thần; các cháu thể hiện nguyện vọng sống cùng mẹ. Vì vậy, cần ổn định cuộc sống của các cháu, tiếp tục giao các cháu cho bà Đ chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không đề cập giải quyết.

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề xuất: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Bùi Thị Anh Đ đối với ông Nguyễn Ngọc T. Bà bà Bùi Thị Anh Đ được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Bùi Hữu N, sinh ngày 03/01/2015 và Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 27/11/2016 đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Bùi Thị Anh Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T, được xác định là tranh chấp*"Ly hôn, nuôi con"*quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn Nguyễn Ngọc T có nơi cư trú tại địa bàn xã C, tỉnh An Giang.Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – An Giang theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Về tính hợp pháp: Bà Đ, ông T do mai mối và tiến đến hôn nhân, không ai lừa dối hay ép buộc; có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày vào ngày 24/4/2013 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã C, tỉnh An Giang) thuộc trường hợp hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận, bảo vệ.

[2.2] Về tình trạng hôn nhân: Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2021 thì bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày thường xuyên cự cãi, không tìm được tiếng nói chung, phát sinh nhiều mâu thuẫn và ly thân cho đến nay; bà Đ yêu cầu ly hôn, ông T không phản hồi, không có mặt. Bà Đ xác định không còn tình cảm với ông T và kiên quyết xin được ly hôn; Với những căn cứ trên, có cơ sở xác định hôn nhân giữa bà Đ, ông T phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của bà Đ xin ly hôn với ông T theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Bùi Hữu N, sinh ngày 03/01/2015 và Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 27/11/2016, hiện sống cùng bà

Đ; sau khi ly hôn bà Đ có ý kiến tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu; bà không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc giao con cho cha hoặc mẹ chăm sóc nuôi dưỡng phải căn cứ vào điều kiện sinh sống, phát triển cũng như nguyện vọng của con. Từ khi bà Đ và ông T ly thân, các cháu sống với bà Đ vẫn phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Mặt khác, các cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ. Để ổn định cho cuộc sống của cháu, nên để bà Đ tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cháu; ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu, nên không đề cập;

[5] Về án phí: Bà Đ phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự. Ông T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Anh Đ. Cho bà Bùi Thị Anh Đ được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T.

*2. Về con chung:*Bà Bùi Thị Anh Đ được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Bùi Hữu N, sinh ngày 03/01/2015 và Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 27/11/2016 đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động. Ông Nguyễn Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Bùi Thị Anh Đ cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Ngọc T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Bùi Hữu N, Nguyễn Thị Mỹ D.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Bà Bùi Thị Anh Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002539 ngày 29 tháng 9 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh A; bà Đ đã nộp xong. Ông Nguyễn Ngọc T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bà Bùi Thị Anh Đ, ông Nguyễn Ngọc T, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc được niêm yết bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 11 – An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- UBND xã Cù Lao Giêng, tỉnh An Giang.
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Huy Phong